

1

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 814/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – TP HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 141/TB-TLVA ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2019/QĐST-NHGD ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Kim N, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Thanh Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: 18 đường số X, khu phố Z, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim N trình bày:

Về quan hôn nhân: Chị và anh Đặng Thanh Đ, tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 04/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn như: Vợ chồng không bắt đồng, không cùng quan điểm trong cuộc sống, từ tháng 02/2017 anh Đ bỏ về Thành phố Hồ Chí Minh, nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay, vì vậy chị N xác định tình cảm với anh Đ không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Tên Đặng Thái T, sinh ngày 02/01/2015; sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có.

Bị đơn anh Đặng Thanh Đ: Từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Đ đến tòa để giải quyết việc kiện của chị N nhưng anh Đ không đến; Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ theo quy định của pháp luật, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do, nên mở phiên tòa xét xử vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim N.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Trích lục kết hôn số 004/TLKH-BS ngày 11/02/2019; giấy khai sinh trẻ tên Đặng Thái T, sinh ngày 02/01/2015; chứng minh nhân dân, hộ khẩu của chị N; hộ khẩu của anh Đ; phiếu xác minh ngày 06/3/2019.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Hôn nhân của chị N và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; chị N và anh Đ có một con chung tên Đặng Thái T, sinh ngày 02/01/2015.

Các nội dung đương sự thống nhất và không thống nhất được: Do anh Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn anh Đặng Thanh Đ cư trú tại địa chỉ 18 đường số X, khu phố Z, phường L, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án Hôn nhân và Gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2019; chị Đoàn Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Thanh Đ, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn anh Đặng Thanh Đ. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án số 141/TB-TLVA ngày 26/02/2019 cho anh Đ nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 anh Đ vẫn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị N; Tòa án tiếp tục triệu tập và thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ vào các ngày 10/5/2019 và ngày 07/6/2019, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; Tòa án tiến hành lập biên bản về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không hòa giải theo quy định tại Khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thông báo kết quả phiên họp cho anh Đ được biết; đồng thời triệu tập anh Đ tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 27/6/2019 nhưng tại phiên tòa anh Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay (18/7/2019), nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227, Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ vắng mặt, nên Tòa án không thể làm rõ giữa chị N và anh Đ có những mâu thuẫn gì; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đến tòa để giải quyết coi như từ bỏ yêu cầu đoàn tụ gia đình. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Tên Đặng Thái T, sinh ngày 02/01/2015, hiện nay do chị N trực tiếp chăm sóc; sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung; vì vậy để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống của trẻ nên giao cho chị N tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên được ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có, nên Tòa án không xem xét.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng chị N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điều a Khoản 1 Điều 35, Điều a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị Kim N và anh Đặng Thanh Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Đặng Thái T, sinh ngày 02/01/2015 cho chị N trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng chị N phải chịu, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0023664 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Đoàn Thị Kim N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đặng Thanh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Các đương sự; (2)
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang; (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (3)

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình